

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 05/2005/TT-BKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2005

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/07/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã

*Căn cứ Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2005 của Chính phủ về
đăng ký kinh doanh hợp tác xã (sau đây viết tắt là Nghị định 87/2005/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 61/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2003 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định về đăng ký kinh doanh hợp tác
xác và các mẫu giấy tờ dùng trong đăng ký kinh doanh như sau:*

I. TÊN VÀ BIỂU TƯỢNG HỢP TÁC XÃ

1. Các vấn đề liên quan đến đặt tên hợp tác xã theo Điều 13 Nghị định 87/2005/NĐ-CP

1.1. Ngoài quy định tại Điều 8 Luật Hợp tác xã và các Điều 8, 9, 10, 11 và Điều 12
Nghị định số 87/2005/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan, khi đặt tên hợp
tác xã cần tuân thủ những quy định sau:

- a) Hợp tác xã có thể sử dụng tên ngành, nghề được đăng ký kinh doanh để cấu
thành tên hợp tác xã. Khi hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề đã dùng để cấu
thành tên hợp tác xã, thì hợp tác xã phải đăng ký đổi tên;
- b) Nếu tên hợp tác xã sử dụng các thành tố có tính chất mô tả chất lượng sản phẩm,
dịch vụ thì phải được cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm xác nhận;
- c) Tên hợp tác xã không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên hợp tác xã khác đã
được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà Giấy chứng nhận này đang có

hiệu lực. Trước khi quyết định đặt tên hợp tác xã, hợp tác xã tham khảo tên các hợp tác xã khác đang hoạt động được lưu giữ tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính để tránh trùng và gây nhầm lẫn với tên hợp tác xã khác đã đăng ký kinh doanh.

d) Tên hợp tác xã phải viết bằng tiếng Việt, có thể được dịch ra và được viết thêm bằng một hoặc một số tiếng nước ngoài với khổ chữ không lớn hơn tên tiếng Việt;

1.2. Hợp tác xã đăng ký kinh doanh trước khi Nghị định số 87/2005/NĐ-CP có hiệu lực, có tên trùng và tên gây nhầm lẫn với tên hợp tác xã khác không bị buộc phải đăng ký đổi tên. Cơ quan đăng ký kinh doanh khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã có tên trùng và tên hợp tác xã gây nhầm lẫn đăng ký đổi tên hợp tác xã.

1.3. Trường hợp lấy ý kiến về tên hợp tác xã

a) Trong trường hợp tên hợp tác xã có liên quan đến Điều 9 Nghị định 87/2005/NĐ-CP, cơ quan đăng ký kinh doanh gửi công văn tới Sở Văn hóa - Thông tin, Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (đơn vị có chức năng nghiên cứu về ngôn ngữ học) theo mẫu HTXCV và HTXMP để lấy ý kiến về tên hợp tác xã;

b) Trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận được công văn, các cơ quan được hỏi ý kiến phải trả lời bằng văn bản;

c) Tên hợp tác xã được quyết định theo đa số trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan được hỏi ý kiến. Trường hợp ý kiến khác nhau có tỷ lệ như nhau, thì tên của hợp tác xã được quyết định theo bên có ý kiến của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

d) Trong thời hạn 7 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến về tên của hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản quyết định cuối cùng về tên hợp tác xã. Trường hợp quyết định cuối cùng không đồng ý với tên hợp tác xã do hợp tác xã đề nghị, hợp tác xã phải lựa chọn tên khác.

2. Gửi bản sao biểu tượng hợp tác xã

Trong thời hạn 7 ngày (ngày làm việc), kể từ khi hợp tác xã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biểu tượng, hợp tác xã phải gửi thông báo theo mẫu HTXTB

- 2 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kèm theo bản sao hợp lệ giấy chứng nhận biểu tượng.

II. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH

1. Hồ sơ đăng ký kinh doanh theo Điều 14 Nghị định số 87/2005/NĐ-CP

1.1. Đơn đăng ký kinh doanh theo mẫu HTXMĐ.

1.2. Điều lệ của hợp tác xã hoặc điều lệ liên hiệp hợp tác xã được xây dựng theo Nghị định 77/2005/NĐ-CP ngày 09/06/2005 của Chính phủ về việc ban hành Mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã.

1.3. Số lượng xã viên hợp tác xã hoặc danh sách hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã; danh sách Ban quản trị hợp tác xã hoặc Hội đồng quản trị liên hiệp hợp tác xã; danh sách Ban kiểm soát của hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã, theo mẫu HTXDS.

1.4. Biên bản đã được thông qua tại Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại điểm đ, khoản 3 Điều 11 Luật hợp tác xã năm 2003. Biên bản do trưởng Ban quản trị hợp tác xã hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của liên hiệp hợp tác xã ký.

2. Ủy quyền thực hiện đăng ký kinh doanh

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ủy quyền cho người đại diện của mình nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh thì phải có văn bản ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền có xác nhận của chính quyền xã, phường nơi người được ủy quyền đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc xác nhận của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân sử dụng lao động đối với người được ủy quyền.

3. Gửi và tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh

3.1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh

Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh:

a) Yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người được ủy quyền đi đăng ký kinh doanh xuất trình bản gốc và nộp bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, nộp văn bản ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền đăng ký kinh doanh;

b) Phải ghi giấy biên nhận theo mẫu HTXTB - 3 và trao cho người nộp hồ sơ;

3.2. Hợp tác xã có thể gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tới cơ quan đăng ký kinh doanh thông qua thư điện tử (email) theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 87/2005/NĐ-CP.

4. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định 87/2005/NĐ-CP

Ngoài ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh quy định tại Phụ lục I Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01 tháng 11 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh được sử dụng trong đăng ký kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được ghi như sau:

4.1. Đối với các ngành, nghề kinh doanh không cần phải có điều kiện, hoặc có vốn pháp định, có chứng chỉ hành nghề thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLB/BKH-TCTK ngày 01 tháng 11 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh được sử dụng trong đăng ký kinh doanh.

4.2. Đối với ngành, nghề mà theo các luật, pháp lệnh, nghị định quy định kinh doanh phải có điều kiện, hoặc có vốn pháp định, hoặc có chứng chỉ hành nghề, thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định đó.

5. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo khoản 2 Điều 4 Nghị định 87/2005/NĐ-CP

5.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo mẫu HTXMG - 1.

5.2. Mẫu giấy in Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã thống nhất với mẫu giấy in Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp. Mẫu bìa của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã có màu nền và kiểu chữ được quy định riêng và do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất ban hành.

5.3. Mẫu bì của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chỉ áp dụng đối với hợp tác xã thành lập và đăng ký kinh doanh mới, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư này.

6. Thông báo đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo khoản 2 Điều 16 Nghị định 87/2005/NĐ-CP

6.1. Hợp tác xã đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện khác với huyện đặt trụ sở chính nhưng trong địa bàn tỉnh thì đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

6.2. Hợp tác xã đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại tỉnh khác với tỉnh đặt trụ sở chính của hợp tác xã thì đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

6.3. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo mẫu HTXTB - 1.

6.4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh theo mẫu HTXMG - 2; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện theo mẫu HTXMG - 3.

6.5. Mẫu giấy in Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã thống nhất với mẫu giấy in Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đối với doanh nghiệp. Mẫu bì của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã có màu nền và kiểu chữ được quy định riêng và do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất ban hành.

6.6. Mẫu bì của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện chỉ áp dụng đối với hợp tác xã đăng ký mới, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư này.

7. Ghi mã số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện

7.1. Ghi mã số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã được tiến hành theo trình tự như sau:

a) Mã cấp tỉnh: 2 ký tự được quy định tại Phụ lục I: Mã cấp tỉnh, cấp huyện ban hành kèm theo Thông tư số 03/2004/TT-BKH ngày 29 tháng 06 năm 2004 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại